

Nội dung bài viết

1. [Hoạt động cơ bản - Bài 21: Khái niệm số thập phân \(tiếp theo\) Toán VNEN lớp 5](#)
2. [Hoạt động thực hành - Bài 21: Khái niệm số thập phân \(tiếp theo\) Toán 5 VNEN](#)
3. [Hoạt động ứng dụng - Bài 21: Khái niệm số thập phân \(tiếp theo\) Toán lớp 5 VNEN](#)

Hoạt động cơ bản - Bài 21: Khái niệm số thập phân (tiếp theo) Toán VNEN lớp 5

Câu 1 (Trang 54 Toán 5 VNEN Tập 1): Chơi trò chơi "đố bạn":

- a. Quan sát tranh vẽ dưới đây: (SGK)
- b. Em đố bạn đọc các kí hiệu 1,8m; 5,63m có trong hình vẽ trên
- c. Kể một ví dụ có sử dụng các kí hiệu như em vừa đọc ở hình vẽ trên

Lời giải chi tiết:

b. Đọc các kí hiệu 1,8m; 5,63m

1,8m: Một phẩy tám mét

5,63m: Năm phẩy sáu mươi ba mét.

c. Một số ví dụ có sử dụng các kí hiệu như trên là:

Chai nước mắt 1,5l;

túi đường 0,5kg;

chai nước khoáng 1,5l...

Câu 2 (Trang 55 Toán 5 VNEN Tập 1): Thực hành lần lượt các hoạt động sau: (SGK)

Câu 3 (Trang 56 Toán 5 VNEN Tập 1): Chuyển các hỗn số sau thành số thập phân rồi đọc các số thập phân đó:

$$3\frac{7}{10}; \quad 5\frac{63}{100}; \quad 12\frac{378}{1000}$$

b. Nêu phần nguyên và phần thập phân trong mỗi số thập phân em viết.

Lời giải chi tiết:

$$3\frac{7}{10} = 3,7$$

⇒ Đọc là: Ba phẩy bảy; phần nguyên là 3, phần thập phân là 7

$$5\frac{63}{100} = 5,63$$

⇒ Đọc là: Năm phẩy sáu mươi ba; phần nguyên là 5, phần thập phân là 63

$$12\frac{378}{1000} = 12,378$$

⇒ Đọc là Mười hai phẩy ba trăm bảy mươi tám; phần nguyên là 12, phần thập phân là 378.

Hoạt động thực hành - Bài 21: Khái niệm số thập phân (tiếp theo) Toán 5 VNEN

Câu 1 (Trang 56 Toán 5 VNEN Tập 1): Đọc mỗi số thập phân sau:

3,5 6,72 41,246 504,038 0,109

Lời giải chi tiết:

3,5: Ba phẩy năm

6,72: Sáu phẩy bảy mươi hai

41,246: Bốn mươi một phẩy hai trăm bốn mươi sáu

504,038: Năm trăm linh bốn phẩy không trăm ba mươi tám

0,109: Không phải một trăm linh chín

Câu 2 (Trang 56 Toán 5 VNEN Tập 1): Chuyển các hỗn số sau thành số thập phân rồi đọc số đó.

$$4\frac{3}{10} = \dots\dots \quad 19\frac{38}{100} = \dots\dots \quad 175\frac{534}{1000} = \dots\dots$$

Lời giải chi tiết:

$$4\frac{3}{10} = 4,3; \quad 19\frac{38}{100} = 19,38;$$

$$175\frac{534}{1000} = 175,534.$$

Câu 3 (Trang 56 Toán 5 VNEN Tập 1): Viết mỗi số thập phân sau thành phân số thập phân

0,1 0,04 0,007 0,026

Lời giải chi tiết:

$$0,1 = \frac{1}{10} \quad 0,04 = \frac{4}{100}$$

$$0,007 = \frac{7}{1000} \quad 0,026 = \frac{26}{1000}$$

Hoạt động ứng dụng - Bài 21: Khái niệm số thập phân (tiếp theo) Toán lớp 5 VNEN

Câu 1 (Trang 57 Toán 5 VNEN Tập 1):

- Tìm trên sách, báo, nhãn mác, bao bì... những thông tin có sử dụng số thập phân rồi viết vào vở.

Lời giải chi tiết:

Ví dụ:

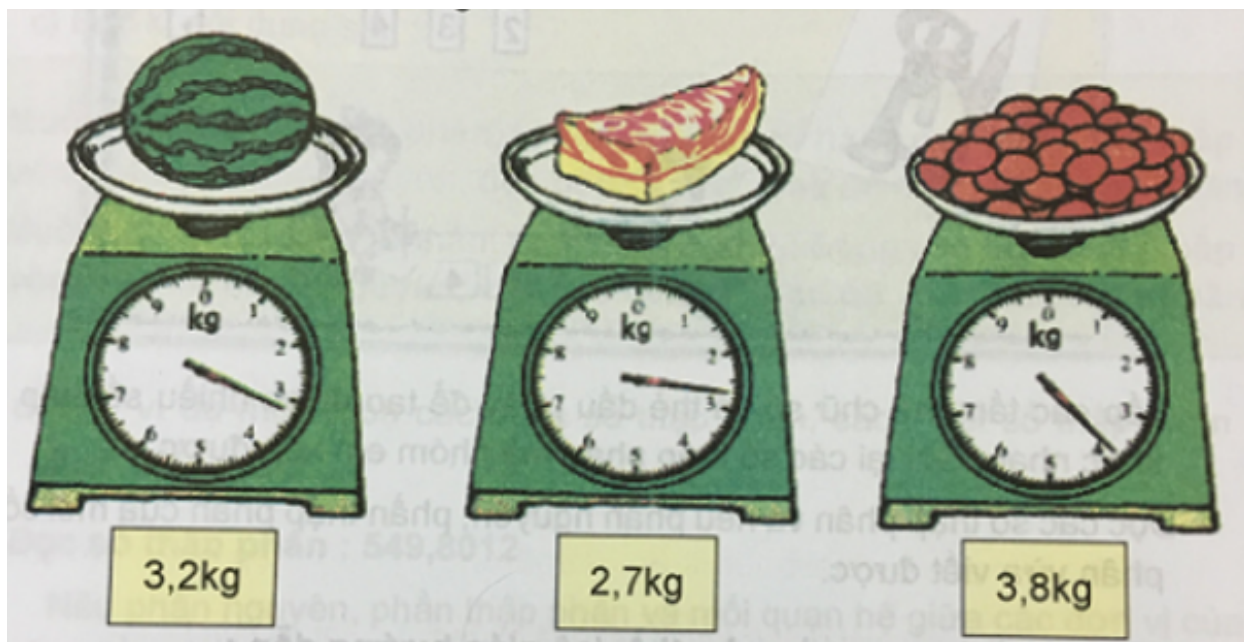
Thước dây 3,5m

Chai nước 1,5l

Hộp bánh 0,5 kg...

Câu 2 (Trang 57 Toán 5 VNEN Tập 1):

- Quan sát hình vẽ, đọc các số thập phân ghi cân nặng của một số đồ vật được cân rồi nói cho người lớn nghe.



Lời giải chi tiết:

Hình 1: Quả dưa hấu nặng ba phẩy hai ki lô gam

Hình 2: Miếng thịt nặng hai phẩy bảy ki lô gam

Hình 3: Đĩa hoa quả nặng ba phẩy tám ki lô gam